

# Dân tộc thiểu số ở Việt Nam và Đông Bắc Ấn Độ

**Rajen Singh Laishram**

Department of Political Science

Manipur Central University

Canchipur, Imphal

India 795003

# Điểm chung

## \* Vietnam

- \* 3 quốc gia xung quanh
- \* 54 dân tộc
- ❖ 53 dân tộc thiểu số
- ❖ Chiếm 15% dân số
- ❖ Dân tộc chiếm 50% hộ nghèo cả nước năm 2010

## \* Đông bắc Ấn Độ

- ❖ 5 quốc gia xung quanh
- ❖ 40 triệu người
- ❖ 3 % dân số và 3% GDP
- ❖ 80% ở nông thôn
- ❖ 34% BPL
- ❖ 160 Bộ lạc

# Điểm chung

- \* Các tỉnh miền núi ở Việt Nam và Đông Bắc Ấn là nơi sinh sống của các bộ lạc khác nhau, các nhóm dân tộc, chủng tộc, ngôn ngữ và tôn giáo .
- \* ‘Phân biệt đối xử’ là vấn đề gặp phải hàng ngày của các cộng đồng sống ở miền núi Việt Nam và Đông Bắc Ấn, bị phân thành loại như Chinkis, người rừng và Paharis ở Ấn Độ and *mọi* (savage) or *người Thượng* (highlanders) ở Việt Nam.

# Xoá đói giảm nghèo

- \* Tham gia các vấn đề đặc biệt đối với dân tộc thiểu số đòi hỏi phải có một cách tiếp cận khác nhau
- \* Văn hoá, thiếu thông tin, nâng cao năng lực, truyền thông, không có điều kiện và phương tiện để giáo dục – là những điểm nổi bật.
- \* Không có chế độ của nhà nước, người dân, các tổ chức nào sẽ chịu kết quả trừ khi và cho đến khi những kiến thức và kỹ năng cơ bản nội sinh được nuôi dưỡng trong các cộng đồng vùng núi .

# Xoá đói giảm nghèo

- \* Hệ thống chính trị không có tác động đến quyết định xoá đói giảm nghèo của các dân tộc thiểu số ở vùng cao nguyên của Đông Bắc Ấn và Việt Nam
- \* Phải vượt qua được sự cô lập về địa chính trị, thiếu sự tương tác với thế giới bên ngoài và các nền văn hoá khác
- \* Can thiệp vào sự hình thành vốn tự tạo

# Vai trò của giáo dục

- \* Phải vượt qua được tình trạng khó xử của người học
- \* Tập trung vào giáo dục khoa học và công nghệ thông tin
- \* Tài trợ giáo dục: cá nhân, tổ chức INGO/NGOS
- \* Phải phát triển trường học phù hợp ở miền núi dân cư thưa thớt để giảm khoảng cách
- \* Lớp học lưu động
- \* Bỏ qua quan niệm cho rằng giáo dục thâm nhập theo cách của người dân sinh sống, ngôn ngữ, thế giới quan của họ và tín ngưỡng; đây là một quá trình để “lập nghiệp” lại tâm lý ,
- \* Là cầu nối về “khoảng cách số”
- \* Là nơi cung cấp giáo dục đáng tin cậy
- \* **“con trai của đất”** trong việc lựa chọn giáo viên giảng dạy,

# Toàn cầu hoá và dân tộc thiểu số

- ❖ Áp lực toàn cầu hoá về kỹ năng, kiến thức và sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thay đổi địa phương
- ❖ Khai thác thiên nhiên, lợi nhuận đầu tư, khai thác bừa bãi ở các tỉnh biên giới mà không có kế hoạch phục hồi tương xứng
- ❖ Từ chối gián đoạn tham gia trong hành trình của tài nguyên thiên nhiên và hàng hoá, tội phạm tăng, buôn bán người, mại dâm, và tổng tiền
- ❖ Nạn nhân hầu hết là những người ở miền núi
- ❖ Hoạt động thương mại và quản lý cũng như cấp bậc hàng đầu của các cơ quan thực thi pháp luật bị chỉ huy bởi các nhóm dân tộc thiểu số khác không thuộc địa phương.

# Lựa chọn và cơ hội

- \* Lạc hậu là một cơ hội thông qua thách thức
- \* Không có hoạt động tự do nào mà không có một cơ chế thích hợp để bảo vệ lợi ích địa phương và đảm bảo sự tham gia của cộng đồng vùng núi
- \* Chính sách về dân tộc thiểu số nên phù hợp với cảm nghĩ và khát vọng của người dân tộc
- \* Bối cảnh 'thực thi' phụ thuộc vào định mức, tiêu chuẩn, chính sách và quan điểm của Trung tâm
- \* Cơ chế để đảm bảo đại diện của địa phương và giao tiếp nhất quán với các thành phần ở địa phương .
- \* Chính sách bao gồm nhân học theo định hướng



# Lựa chọn và cơ hội

- \* Chấp nhận sự “lập dị” để cho phép chúng ta nội suy và liên hệ với thực tế
- \* Những yêu cầu về mặt địa lý, sinh thái của vùng cao không thể được áp dụng
- \* Lập kế hoạch chiến lược và can thiệp thích đáng
- \* Plugging in the seepage in delivery, transparency and e-governance may be the panacea.
- \* Cộng đồng ở vùng cao không phải là thực thể đồng nhất mà là vô số người hợcj cộng đồng ở các tầng lớp khác biệt của xã hội, kinh tế và giáo dục được nhóm lại với nhau
- \* Xác định mục tiêu dân tộc